TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH Y

Bản án số: 04/2025/HNGĐ- ST
Ngày 13-01-2025
V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu
- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thùy Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13-12-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26-12-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1988- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn YTh, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988- Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn YTh, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2024 và bản tự khai ngày 21-11-2024 nguyên đơn chị Đặng Thị S trình bày: Chị S và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 05-12-2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn YTh, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị S và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn lớn từ năm 2013 chị S và anh T đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị S xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị S và anh T có một con chung tên là Hoàng Văn T1, sinh ngày 16-01-2010. Cháu T1 đang sống cùng anh T và ông nội Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị M là bố mẹ đẻ anh T từ nhỏ, chị S nhất trí để anh T nuôi cháu T1, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu t1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để Thành giải quyết vụ án, nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 ,83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: Chị S được ly hôn anh T; giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án Thành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tình cảm:* Chị Đặng Thị S và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 05-12-2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn YTh, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị S và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn lớn từ năm 2013 chị S và anh T đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Đối với anh T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần anh T vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh T biết việc chị S xin ly hôn nhưng anh T

không có ý kiến gì Tại biên bản xác minh ngày 11-12-2024 ở tổ 02, thị trấn YTh, huyện L, tỉnh Y nơi chị S và anh T cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị S và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị S được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung*: Chị S và anh T có một con chung tên là Hoàng Văn T1, sinh ngày 16-01-2010. Tại phiên tòa chị S vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị S yêu cầu anh T trực tiếp nuôi cháu T1, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với anh T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do mặc dù anh biết việc chị S yêu cầu anh T trực tiếp nuôi cháu T1 và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh T không có ý kiến gì Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ khi chị S và anh T sống ly thân cháu T ài vẫn ở cùng anh T và ông bà nội, nguyện vọng của cháu T1 muốn được ở cùng anh T. Để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự sáo trộn về môi trường sinh hoạt, học tập của con chung nên yêu cầu của chị S để anh T trực tiếp nuôi cháu T1 là có căn cứ là phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, kể từ tháng 02 năm 2025.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về án phí* Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị S

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn T

2- Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 16-01-2010 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến

khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi; chị Đặng Thị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3- Về án phí Chị Đặng Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2024/0001278 ngày 15-11-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị S còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị S, anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
-UBND thị trấn YTh
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh